

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 162/QĐ-ĐHNB ngày 14 tháng 02 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)

Tên chương trình	: Thiết kế nội thất
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Thiết kế nội thất
Tên tiếng Anh	:
Mã số	: 7580108
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Danh hiệu tốt nghiệp	: Cử nhân Thiết kế nội thất

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Thiết kế nội thất trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ, mỹ thuật, kiến trúc, các nguyên tắc thiết kế và sáng tạo, đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ phát triển đa dạng, nhanh chóng của ngành Thiết kế nội thất cũng như của nhiều ngành nghề liên quan khác. Trên cơ sở đó, phát triển khả năng sáng tạo, phương pháp luận thiết kế và tư duy sáng tạo chuyên sâu về chuyên ngành Thiết kế nội thất. Có trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin cần thiết phục vụ cho sáng tác chuyên môn, có khả năng hội nhập với khu vực và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

- Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành thiết kế nội thất - nhấn mạnh sáng tác chuyên ngành.

- Có kiến thức về thiết kế không gian nội thất các hạng mục công trình từ dân dụng đến các công trình công cộng. Hiểu biết về các quy định trong thiết kế nội thất đối với từng thể loại công trình. Nắm được các yếu tố công năng, quy trình thiết kế, có kiến thức về giao thông, không gian, ánh sáng, vật liệu, trang thiết bị ... vận dụng ý tưởng thiết kế vào trong công trình một cách hợp lý

- Hiểu biết về thẩm mỹ và tính năng ứng dụng nguyên lý thiết kế kiến trúc trong các loại hình công trình của chuyên ngành nội thất trên những nguyên tắc: tâm lý, ergonomics, phối cảnh, môi trường, tôn giáo, phong tục, văn hóa...

- Có kiến thức về sáng tạo trong thiết kế.

1.2.2. Kỹ năng

Sinh viên được đào tạo kỹ năng thực hành cơ bản trong hầu hết các lĩnh vực sáng tác thiết kế nội thất và xây dựng nhằm dễ dàng hòa nhập và phát triển trong môi trường làm việc thực tế. Ngoài ra, sinh viên được trang bị kỹ năng tự học tập, nghiên cứu, tổ chức và làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và trình bày, cụ thể:

- Áp dụng các kiến thức thẩm mỹ về khoa học, kỹ thuật để nhận biết, phân tích, giải quyết sáng tạo và hiệu quả những vấn đề trong lĩnh vực thiết kế và sáng tác nội thất.

- Thiết kế triển khai thi công các công trình nội thất, đáp ứng các yêu cầu mỹ thuật, kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế.

- Tìm tòi, tiếp cận, ứng dụng hiệu quả và sáng tạo các công nghệ vật liệu, kỹ thuật, kỹ năng và công cụ hiện đại để giải quyết những vấn đề thực tế của ngành thiết kế nội thất.

- Kỹ năng chuyên môn:

- + Tư vấn, thiết kế: có kỹ năng tư vấn khách hàng về thiết kế trang trí nội thất cho các loại công trình dân dụng và công cộng: Nhà ở, thương mại, dịch vụ...

- + Tổ chức triển khai công việc: Nắm được quy trình thiết kế và triển khai thi công trong lĩnh vực chuyên ngành, đọc và hiểu bản vẽ kiến trúc, nội thất.

- + Phân tích và xử lý thông tin: có khả năng phân tích áp dụng các nguyên lý và quy tắc thiết kế nội thất, biết sử dụng các quan hệ màu sắc, công năng sử dụng giữa hình thức nội ngoại quan, kết cấu vật liệu, các quan hệ không gian nội thất. Có kỹ năng tra cứu, tìm kiếm thông tin chuyên ngành, phân tích và xử lý thông tin.

- + Giải quyết các vấn đề: Có kỹ năng phác thảo tay, thiết lập bản vẽ, kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thiết kế.

1.2.3. Thái độ

- Có lập trường vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt và nếp sống lành mạnh, tính ham học hỏi, ý thức vươn lên trong chuyên môn;

- Hiểu rõ các giá trị, đạo đức nghề nghiệp, luật pháp nói chung và pháp luật về xây dựng;

- Biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và yêu nghề, luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Có năng lực tham gia các dự án về thiết kế không gian nội thất

- Có thể học tập nâng cao trình độ sau đại học ở trong và ngoài nước.

- Có năng lực đảm nhận các vị trí cán bộ, kỹ thuật và cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp hành nghề thiết kế nội thất.

2. Thời gian và khối lượng kiến thức toàn khoá

2.1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và Kỹ năng mềm).

STT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	28
2	Giáo dục chuyên nghiệp	102
	Khối kiến thức cơ sở Mỹ thuật	37
	Kiến thức cơ sở ngành	17
	Kiến thức ngành, chuyên ngành	34
	Tốt nghiệp	14
Tổng cộng		130

3. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện tốt nghiệp: Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo

Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0/4,0 trở lên

Điểm rèn luyện đạt từ loại khá trở lên

Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng

Có chứng chỉ giáo dục thể chất

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập

5. Thang điểm

Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng đã được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Điểm học phần làm tròn đến một số thập phân.

Chuyển điểm thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau :

STT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt	8,5 - 10	A	4,0
2	Đạt	7,0 - 8,4	B	3,0
3	Đạt	5,5 - 6,9	C	2,0
4	Đạt có điều kiện	4,0 - 5,4	D	1,0
5	Không đạt	Dưới 4,0	E	0,0

6. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ (số tiết)	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
6.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương 28TC									
1	11101 11102	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1,2	5	30	25	20			
2	11103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	5	10			
3	11104	Đường lối CM ĐCSVN	3	25	10	10			
4	11203	Pháp luật đại cương	2	15	5	10			
5	11401	Tiếng Anh 1	3	20	15	10			
6	11402	Tiếng Anh 2	3	20	15	10			
7	11403	Tiếng Anh 3	3	20	15	10			
8	11404	Tiếng Anh chuyên ngành	3	25	10	10			
9	11701	Tin học đại cương	4	15	20	10	15		
6.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 88TC									
6.2.1. Khối kiến thức cơ sở Mỹ thuật 38TC									
10	15101	Lịch sử mỹ thuật và mỹ thuật ứng dụng	3(45)	20	10	5	10		
11	15102	Thẩm mỹ công nghiệp	2(30)	20	10				
12	15103	Giải phẫu tạo hình	2(30)	20	10				
13	15104	Luật xa gần	2(30)	20	10				
14	15105	Phương pháp ghi chép và cách điệu hoa lá, động vật	2(60)	30	15		15		
15	15106	Hình họa khối cơ bản (chì)	2(60)	30	15		15		
16	15107	Hình họa tượng chân dung nam nữ (chì)	2(60)	30	15		15		
17	15108	Hình họa tượng bán thân nam nữ (chì)	3(90)	45	22,5		22,5		
18	15109	Hình họa người bán thân (chì)	3(90)	45	22,5		22,5		
19	15110	Hình họa người toàn thân (mực nho)	3(90)	45	22,5		22,5		
20	15111	Hình họa người toàn thân (màu nước)	3(90)	45	22,5		22,5		
21	15112	Cơ sở tạo hình trên mặt phẳng	3(90)	45	22,5		22,5		
22	15113	Cơ sở tạo hình trên khối	3(90)	45	22,5		22,5		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ (số tiết)	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
23	15114	Vẽ kỹ thuật	2(60)	30	15		15		
24	15115	Thực tập Mỹ thuật cơ sở	2(60)	10	20		30		
6.2.2 Khối kiến thức cơ sở ngành			16TC						
25	15301	Egonomi - Nhân trắc học ứng dụng trong nội thất	2(30)	20	10	15			
26	15302	Lịch sử phong cách nội thất	2(30)	10	10	5	5		
27	15303	Vật liệu và chất liệu công trình kiến trúc nội thất	2(30)	10	10	5	5		
28	15304	Hình thái không gian, màu sắc, ánh sáng nội thất	2(60)	30	15		15		
29	15305	Autocad	2(60)	30	15		15		
30	15306	Nhiếp ảnh	2(60)	30	15		15		
31	15307	Tin học ứng dụng 3Dmax	4(120)	60	30		30		
6.2.2. Kiến thức chuyên ngành			33TC						
32	15308	Đồ án sáng tác thiết kế sản phẩm nội thất	3(90)	45	22,5		22,5		
33	15309	Đồ án thiết kế nội thất nhà ở (Biệt thự, Penhouse, Nhà lô, Liên kề, Chung cư, ...)	4(120)	60	30		30		
34	15310	Thiết kế quy hoạch sân vườn	3(90)	45	22,5		22,5		
35	15311	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 1 (Cửa hàng/Shophouse)	3(90)	45	22,5		22,5		
36	15312	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 2 (Văn phòng/Trường học, ...)	4(120)	60	30		30		
37	15313	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 3 (Khách sạn/Khu nghỉ dưỡng)	4(120)	60	30		30		
38	15314	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 4 (Nhà hàng/Karaoke/Cafe/Spa)	4(120)	60	30		30		
39	15315	Đồ án thiết kế nội thất công trình trưng bày (Bảo tàng/Công trình Văn hóa/Nhà truyền thống)	4(120)	60	30		30		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ (số tiết)	Loại tiết					Môn học tiên quyết (STT của môn học)
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm	Tự học	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
40	15316	Thực tập chuyên ngành	2(60)						
		<i>Tự chọn</i>	3						
41	15317	Đồ án thiết kế nội thất công trình văn hóa nâng cao	3(90)	45	22,5		22,5		
42	15318	Đồ án thiết kế nội thất công trình Giáo dục nâng cao	3(90)	45	22,5		22,5		
6.3. Tốt nghiệp			14 TC						
43	15319	Thực tập tốt nghiệp	4						
44	15320	Đồ án tốt nghiệp	10						
6.4. Kiến thức không tích lũy			16TC						
45	11801	Giáo dục thể chất	4						
46	11901	Giáo dục QPAN	8						
47	11302 11303	Kỹ năng mềm 1,2	4						

7. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	Kiến thức giáo dục đại cương									
1	Những nguyên lý CBCN Mác Lênin 1,2	5					2	3		
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						2		
3	Đường lối CM ĐCSVN	3							3	
4	Pháp luật đại cương	2	2							
5	Tiếng Anh 1	3	3							
6	Tiếng Anh 2	3		3						
7	Tiếng Anh 3	3			3					
8	Tiếng Anh chuyên ngành	3				3				
9	Tin học đại cương	4	4							
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88								
	Khối kiến thức cơ sở Mỹ thuật	37								
10	Lịch sử mỹ thuật và mỹ thuật ứng dụng	3		3						
11	Thẩm mỹ công nghiệp	2			2					

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
12	Giải phẫu tạo hình	2		2						
13	Luật xa gần	2	2							
14	Phương pháp ghi chép và cách điệu hoa lá, động vật	2		2						
15	Hình họa khối cơ bản	2	2							
16	Hình họa tượng chân dung nam nữ (chì)	2	2							
17	Hình họa tượng bán thân nam nữ (chì)	3		3						
18	Hình họa người bán thân (chì)	3			3					
19	Hình họa người toàn thân (mực nho)	3				3				
20	Hình họa người toàn thân (màu nước)	3					3			
21	Cơ sở tạo hình trên mặt phẳng	3		3						
22	Cơ sở tạo hình trên khối	3			3					
23	Vẽ kỹ thuật	2			2					
24	Thực tập Mỹ thuật cơ sở	2							2	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	17								
25	Egonomi – Nhân trắc học ứng dụng trong nội thất	2				2				
26	Lịch sử phong cách nội thất	2					2			
27	Vật liệu và chất liệu công trình kiến trúc nội thất	2				2				
28	Hình thái không gian, màu sắc, ánh sáng nội thất	2				2				
29	Autocad	3			3					
30	Nhiếp ảnh	2				2				
31	Tin học ứng dụng 3Dmax	4			4					
	Kiến thức chuyên ngành	34								
32	Đồ án sáng tác thiết kế sản phẩm nội thất	3		3						
33	Đồ án thiết kế nội thất nhà ở (Biệt thự, Penhouse, Nhà lô, Liên kề, Chung cư, ...)	4					4			
34	Thiết kế quy hoạch sân vườn	3				3				
35	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 1 (Cửa hàng/Shophouse)	3						3		
36	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 2 (Văn phòng/Trường học, ...)	4					4			

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Kế hoạch dạy/học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
37	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 3 (Khách sạn/Khu nghỉ dưỡng)	4						4		
38	Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng 4 (Nhà hàng/Karaoke/Cafe/Spa)	4							4	
39	Đồ án thiết kế nội thất công trình trưng bày (Bảo tàng/Công trình Văn hóa/Nhà truyền thống)	4						4		
40	Thực tập chuyên ngành	2								2
	Tự chọn	3								3
41	Đồ án thiết kế nội thất công trình văn hóa nâng cao	3								
42	Đồ án thiết kế nội thất công trình Giáo dục nâng cao	3								
	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	14								
43	Thực tập tốt nghiệp	4								4
44	Đồ án tốt nghiệp	10								10
	Kiến thức không tích lũy	16								
45	Giáo dục thể chất	4	x	x						
46	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8			x					
47	Kỹ năng mềm 1,2	4								
	Cộng	130	15	19	20	17	15	16	14	14

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở chương trình khung đào tạo khối ngành Thiết kế Mỹ thuật trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quyết định số 15/2004/QĐ BGD&ĐT ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình được thiết kế đảm bảo tính đặc thù của ngành học, trên cơ sở những đề xuất của Hội đồng Khoa học ngành và các chuyên gia Thiết kế Nội thất khoa Mỹ thuật Công nghiệp trường Đại học Hòa Bình.

* Điều kiện thực hiện chương trình

- Về giảng viên: Có đủ giảng viên cơ hữu để giảng dạy, giảng viên có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất nghề nghiệp.
- Về cơ sở vật chất: Hiện đại, đáp ứng đầy đủ yêu cầu các phòng học chuyên ngành, các phòng chức năng như phòng thực hành, phòng vẽ thiết kế, xưởng thực hành, thư viện, nghe nhìn, vi tính...đạt yêu cầu.

- Về người học: Tuyển chọn đầu vào có năng khiếu Mỹ thuật, có tính sáng tạo và có ý tưởng thẩm mỹ đáp ứng đủ yêu cầu học tập, yêu nghề, có tư cách đạo đức tốt.

- Thực hiện chương trình: Đảm bảo tính logic và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần.

Thời lượng của các học phần được bố trí như sau:

+ Đối với các học phần lý thuyết ngành: 01 tín chỉ = 15 tiết

+ Đối với các học phần đặc thù từ mã số 15105 đến mã số 15114, từ mã số 15304 đến mã số 15315, 15317, 15318 thì 01 tín chỉ = 30 tiết.

Các học phần trên bố trí 1/2 thời lượng giảng viên lên lớp được tính 01 tiết thực dạy = 01 giờ chuẩn. 1/2 thời lượng còn lại bố trí: 50% số tiết giảng viên hướng dẫn sinh viên làm bài tập được tính 01 tiết hướng dẫn = 01 giờ chuẩn; 50% số tiết sinh viên tự học có sự quản lý của khoa.

Các học phần từ mã số 15105 đến mã số 15114, từ mã số 15304 đến mã số 15315, 15317, 15318 bố trí từ 10 đến 15 sinh viên/1 lớp; các học phần khác bố trí từ 40 đến 50 sinh viên/1 lớp.

*** Định hướng phương pháp dạy học:**

- Giảm bớt tính hàn lâm, lý thuyết; tăng cường tính ứng dụng thực tế bằng cách xây dựng chương trình học tập, thực hành thực tập tại các trung tâm, xưởng thực hành, hoạt động ngoại khóa, thực tập tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực Thiết kế Nội thất....

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm. Coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tôn trọng “thực học, thực hành”

- Áp dụng các phương pháp dạy - học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp.



HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

